

## CHƯƠNG 8 LẠM PHÁT INFLATION

### CHƯƠNG 8 - LẠM PHÁT

1. CÁC QUAN ĐIỂM VỀ LẠM PHÁT
2. PHÉP ĐO LƯỜNG LẠM PHÁT
3. CÁC LOẠI LẠM PHÁT
4. NGUYÊN NHÂN LẠM PHÁT
5. HIỆU ỨNG CỦA CÁC CHUYỂN ĐỘNG LẠM PHÁT
6. CÁC BIỆN PHÁP KIỂM CHẾ VÀ KIỂM SOÁT LẠM PHÁT

### 1. CÁC QUAN ĐIỂM VỀ LẠM PHÁT

**MARX**

Là hiện tượng tiền giấy tràn ngập các kênh lưu thông, vượt quá nhu cầu lưu thông hàng hoá, dẫn tới sự mất giá của đồng tiền và phân phối lại thu nhập quốc dân.

**HIỆN ĐẠI**

Là hiện tượng xảy ra khi mức giá chung trong nền kinh tế tăng kéo dài trong một khoảng thời gian nhất định.

### BIỂU HIỆN CỦA LẠM PHÁT

- CHỈ SỐ GIÁ CẢ CHUNG CỦA HÀNG HOÁ TĂNG LIÊN TỤC VÀ KÉO DÀI
- TIỀN TỆ MẤT GIÁ
- CHỨNG KHOÁN GIẢM GIÁ

### 2. PHÉP ĐO LƯỜNG LẠM PHÁT

- a. CHỈ SỐ GIÁ CẢ HÀNG HOÁ TIÊU DÙNG (CPI)
- b. CHỈ SỐ GIÁ CẢ HÀNG SẢN XUẤT (PPI)
- c. CHỈ SỐ GIẢM PHÁT TỔNG SẢN PHẨM QUỐC NỘI (GDP)

### 2. PHÉP ĐO LƯỜNG LẠM PHÁT

#### 2.1. CHỈ SỐ GIÁ CẢ HÀNG HOÁ TIÊU DÙNG (CPI)

- ✓ **CPI** (*Consumer Price Index*) là chỉ số phản ánh mức giá cả bình quân được tính theo một giỏ hàng hóa và dịch vụ chính trên thị trường với một trọng số nhất định cho mỗi mặt hàng.

- ✓ Công thức xác định lạm phát theo CPI:

$$\pi_{CPI(t)}^e = \frac{CPI_t - CPI_{t-1}}{CPI_{t-1}} \cdot 100$$

Tỷ lệ lạm phát năm t

Chỉ số giá tiêu dùng năm t

Chỉ số giá tiêu dùng năm (t-1)

### CHỈ SỐ GIÁ CẢ HÀNG HÓA TIÊU DÙNG (CPI)

$$C_{(t)} = \frac{CPI_t - CPI_{t-1}}{CPI_{t-1}} \times 100$$

Đây là chỉ số tính theo phần trăm, phản ánh mức giá cả bình quân của hàng hóa tiêu dùng trong 1 thời kỳ nhất định.

$$CPI_0 = \frac{P_0 \times Q_0}{P_0 \times Q_0} \times 100\%$$

$$CPI_1 = \frac{P_1 \times Q_0}{P_0 \times Q_0} \times 100\%$$

$$CPI_2 = \frac{P_2 \times Q_0}{P_0 \times Q_0} \times 100\%$$

### ƯU NHƯỢC ĐIỂM CỦA XÁC ĐỊNH TỶ LỆ LẠM PHÁT THEO CPI

ƯU ĐIỂM	NHƯỢC ĐIỂM
Thông qua tỷ lệ LP, có thể đánh giá được mức độ ảnh hưởng đến thu nhập và đời sống của người tiêu dùng	<ul style="list-style-type: none"> <li>Không phản ánh được sự xuất hiện của những hàng hóa mới</li> <li>Không phản ánh được sự thay đổi của chất lượng hàng hóa</li> </ul>

## 2. PHÉP ĐO LƯỜNG LẠM PHÁT

### 2.2. CHỈ SỐ GIÁ SẢN XUẤT (PPI)

- ✓ **Chỉ số giá sản xuất (Producer Price Index)** đo lường mức giá trung bình của giỏ hàng hóa trong sản xuất, phản ánh chi phí sản xuất bình quân của xã hội.
- ✓ Tỷ lệ lạm phát tính theo chỉ số PPI cũng có cách tính tương tự như tính tỷ lệ lạm phát theo CPI, nhưng PPI được tính trên một số lượng hàng hóa nhiều hơn CPI và tính theo giá bán buôn (giá trong lần bán đầu tiên).

## 2. PHÉP ĐO LƯỜNG LẠM PHÁT

### 2.3. CHỈ SỐ GIÁM PHÁT TỔNG SẢN PHẨM QUỐC NỘI (P<sub>GDP</sub>)

- ✓ **P<sub>GDP</sub>** là chỉ số tính theo phần trăm, phản ánh mức giá chung của tất cả các loại hàng hóa, dịch vụ sản xuất trong nước, cho biết một đơn vị GDP kỳ nghiên cứu có mức giá bằng bao nhiêu phần trăm so với mức giá kỳ gốc.
- ✓ Công thức xác định P<sub>GDP</sub> của kỳ t:

$$P_{GDP(t)} = \frac{GDP_d}{GDP_t} \cdot 100$$

GDP danh nghĩa  
GDP thực tế

## 2. PHÉP ĐO LƯỜNG LẠM PHÁT

### 2.3. CHỈ SỐ GIÁM PHÁT TỔNG SẢN PHẨM QUỐC NỘI (P<sub>GDP</sub>)

- ✓ Công thức xác định lạm phát theo P<sub>GDP</sub>

Tỷ lệ lạm phát năm t

$$\pi_{P_{GDP}(t)}^c = \frac{P_{GDP(t)} - P_{GDP(t-1)}}{P_{GDP(t-1)}} \cdot 100$$

Chỉ số giảm phát GDP năm t

Chỉ số giảm phát GDP năm (t-1)

### ƯU NHƯỢC ĐIỂM CỦA XÁC ĐỊNH TỶ LỆ LẠM PHÁT THEO GDP

ƯU ĐIỂM	NHƯỢC ĐIỂM
<ul style="list-style-type: none"> <li>Phản ánh được toàn bộ những thay đổi về giá của các mặt hàng sản xuất trong nước</li> <li>Phản ánh được biến động của sản phẩm, ví dụ hàng hóa mới xuất hiện</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Không phản ánh mức giá cả của hàng hóa nhập khẩu vì GDP chỉ tính sản phẩm trong nước</li> <li>Không phản ánh chính xác chi phí cuộc sống qua thời gian của người tiêu dùng</li> <li>Không phản ánh chính xác về chất lượng sp qua các thời kỳ do sự phát triển khoa học và công nghệ</li> </ul>

### 3. CÁC LOẠI LẠM PHÁT

- 3.1. LẠM PHÁT VỪA PHẢI (Low inflation)
- 3.2. LẠM PHÁT PHI MÃ (High inflation)
- 3.3. LẠM PHÁT SIÊU TỐC (Hyperinflation)

22

#### 3.1. LẠM PHÁT VỪA PHẢI

Là loại lạm phát xảy ra với tỷ lệ lạm phát đạt mức 1 con số một năm

**0%/ NĂM < LẠM PHÁT VỪA PHẢI < 10%/NĂM**

ĐẶC ĐIỂM

- LƯU THÔNG TIỀN TỆ?
- HIỆU QUẢ KINH TẾ?
- VIỆC LÀM, MỨC SỐNG?

23

#### BIỂU HIỆN CỦA LẠM PHÁT VỪA PHẢI

- Giá cả hàng hóa tương đối ổn định và tăng nhẹ
- Lưu thông tiền tệ bình thường
- SXKD ổn định, có thể gia tăng đầu tư, kích thích tăng trưởng kinh tế
- Đời sống người dân ổn định

24

#### 3.2. LẠM PHÁT PHI MÃ

Là loại lạm phát xảy ra với tỷ lệ lạm phát đạt mức 2 đến 3 con số một năm

**10%/ NĂM = < LẠM PHÁT PHI MÃ < 1000%/NĂM**

ĐẶC ĐIỂM

- LƯU THÔNG TIỀN TỆ?
- HIỆU QUẢ KINH TẾ?
- VIỆC LÀM, MỨC SỐNG?

25

#### BIỂU HIỆN CỦA LẠM PHÁT PHI MÃ

- Giá cả hàng hóa tăng nhanh
- Lưu thông tiền tệ rối loạn
- Hiệu quả SXKD giảm sút, kinh tế rơi vào khủng hoảng
- Thất nghiệp gia tăng
- Đời sống người dân khó khăn

26

#### 3.3. LẠM PHÁT SIÊU TỐC

Là loại lạm phát xảy ra với tỷ lệ lạm phát đạt mức 4 con số một năm trở lên

**LẠM PHÁT SIÊU TỐC  $\geq 1000\%/NĂM$**

ĐẶC ĐIỂM

- LƯU THÔNG TIỀN TỆ?
- HIỆU QUẢ KINH TẾ?
- VIỆC LÀM, MỨC SỐNG?

28

### BIỂU HIỆN CỦA SIÊU LẠM PHÁT

- Giá cả hàng hóa tăng rất nhanh trong một thời gian ngắn
- Lưu thông tiền tệ rối loạn nghiêm trọng
- SXKD đình đốn, DN phá sản hàng loạt, kinh tế khủng hoảng trầm trọng
- Thất nghiệp tràn lan
- Đời sống người dân vô cùng khó khăn

29

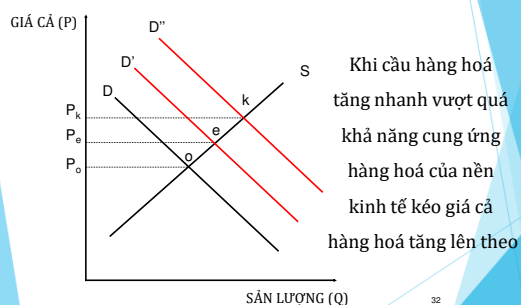
### 4. NGUYÊN NHÂN LẠM PHÁT

#### 4.1. NGUYÊN NHÂN VỀ PHÍA CẦU HÀNG HOÁ

#### 4.2. NGUYÊN NHÂN VỀ PHÍA CUNG HÀNG HOÁ

31

#### 4.1. NGUYÊN NHÂN VỀ PHÍA CẦU HÀNG HOÁ



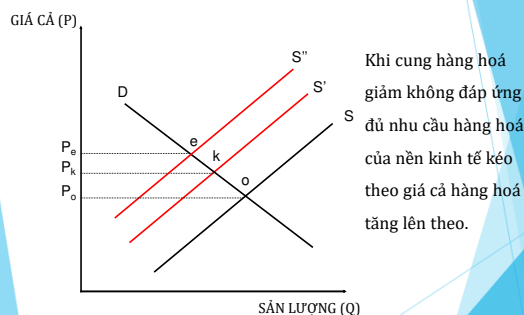
32

#### 4.1. NGUYÊN NHÂN VỀ PHÍA CẦU HÀNG HOÁ (tt)

- DO KẾT QUẢ CỦA VIỆC CUNG TIỀN TỆ TĂNG LÊN KÉO DÀI
  - Thâm hụt Ngân sách thường xuyên và kéo dài
  - Chính sách tiền tệ mở rộng
  - Chính sách tiền lương mở rộng
- TÂM LÝ CỦA CÔNG CHÚNG

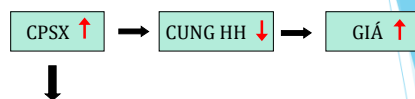
33

#### 4.2. NGUYÊN NHÂN VỀ PHÍA CUNG HÀNG HOÁ



34

#### 4.2. NGUYÊN NHÂN VỀ PHÍA CUNG HÀNG HOÁ (tt)



- TỐC ĐỘ TĂNG LƯƠNG NHANH HƠN TỐC ĐỘ TĂNG CỦA NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG
- CHI PHÍ NGUYÊN NHIÊN VẬT LIỆU TĂNG CAO
  - Do sự khan hiếm nguồn cung cấp
  - Do lạm phát ở nước xuất khẩu nguyên nhiên vật liệu

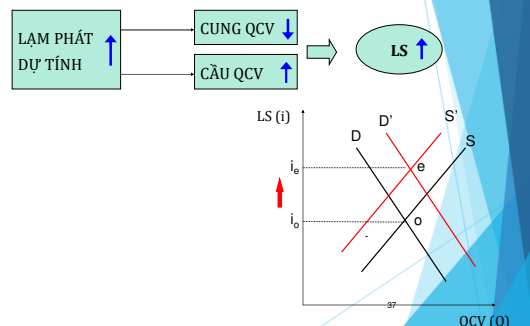
35

## 5. HIỆU ỨNG CỦA CÁC CHUYỂN ĐỘNG LẠM PHÁT

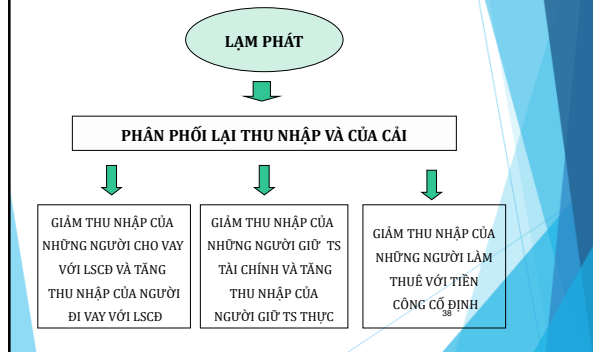
- 5.1. LẠM PHÁT VÀ LÃI SUẤT
- 5.2. LẠM PHÁT VÀ THU NHẬP
- 5.3. LẠM PHÁT VÀ ĐẦU TƯ
- 5.4. LẠM PHÁT VÀ THẤT NGHIỆP

36

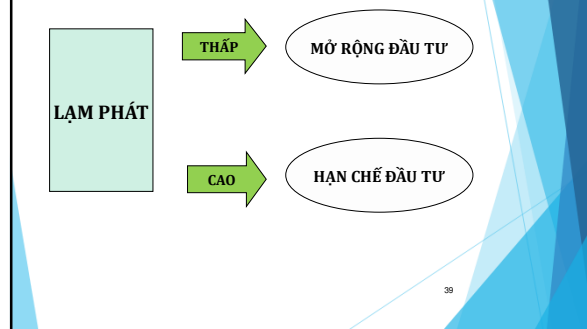
### 5.1. LẠM PHÁT VÀ LÃI SUẤT



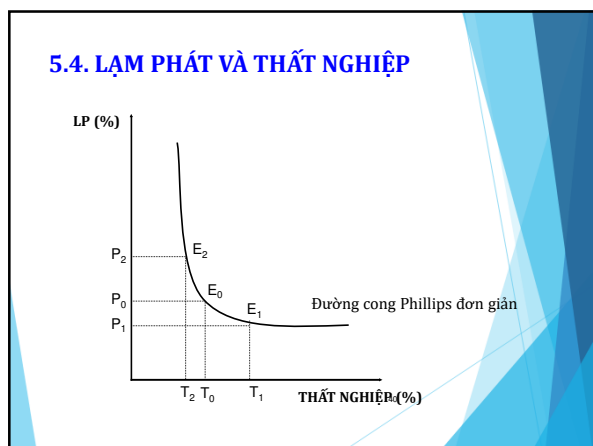
### 5.2. LẠM PHÁT VÀ THU NHẬP



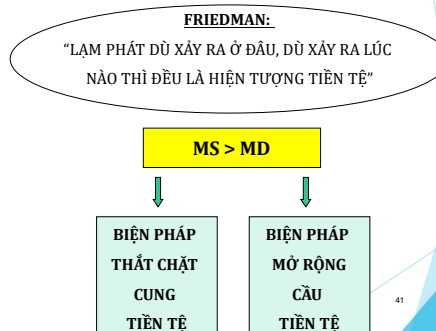
### 5.3. LẠM PHÁT VÀ ĐẦU TƯ



### 5.4. LẠM PHÁT VÀ THẤT NGHIỆP



## 6. CÁC BIỆN PHÁP KIỂM CHẾ VÀ KIỂM SOÁT LẠM PHÁT



### 6.1. BIỆN PHÁP THẮT CHẶT CUNG TIỀN TỆ

- THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ HẠN CHẾ
- THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TÀI KHÓA THẮT CHẶT
- THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH THU NHẬP HẠN CHẾ
- THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG HẠN CHẾ

43

### a. THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ HẠN CHẾ

- Hạn chế tối đa việc phát hành thêm tiền vào lưu thông
- Hạn chế khả năng mở rộng tín dụng của hệ thống NHTM, như tăng lãi suất tái chiết khấu, tăng tỷ lệ DTBB
- Hạn chế phát hành tiền bù đắp thâm hụt của ngân sách
- Tăng cường bán giấy tờ có giá trên thị trường mở,...
- Cần thực hiện các biện pháp kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng để góp phần hạn chế việc mở rộng tín dụng.

44

### b. THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TÀI KHÓA THẮT CHẶT

#### GIẢM CHI:

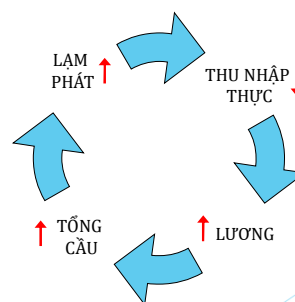
- Thực hành tiết kiệm
- Sắp xếp lại bộ máy gọn nhẹ
- Giảm bớt những khoản chi phúc lợi vượt quá khả năng của nền kinh tế
- Cắt giảm các khoản đầu tư tràn lan thiếu trọng điểm và hiệu quả...

#### TĂNG THU:

- Điều chỉnh thuế suất hợp lý
- Tăng thuế đánh vào những hàng hóa xa xỉ, cao cấp đắt tiền không thiết yếu
- Thực hiện chống tiêu cực, chống thất thu thuế.

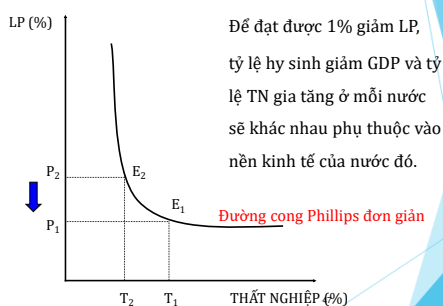
45

### c. THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH THU NHẬP HẠN CHẾ



46

### d. THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG HẠN CHẾ



47

### 6.2. BIỆN PHÁP MỞ RỘNG CẦU TIỀN TỆ

- TĂNG CƯỜNG SẢN XUẤT HÀNG HOÁ DỊCH VỤ
- KHUYẾN KHÍCH NHẬP KHẨU HÀNG HOÁ
- KIỂM SOÁT GIÁ CẢ HÀNG HOÁ DỊCH VỤ

48